

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HS-ST
Ngày 09 - 3 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Khanh;
2. Ông Hoàng Năng Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2026/HSST ngày 19 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-HS ngày 24/02/2026, đối với:

1. Bị cáo: **Y Tâm N**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 23/5/2005, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Buôn E, xã D, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ê đê; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Y Samuel B, sinh năm 1976 và bà H Li N1, sinh năm 1967; Trú tại: Buôn E, xã D, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án; Tiền sự: Không;

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Cư Kuin từ ngày 28/5/2025 cho đến nay, có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo:* Ông Y Samuel B, sinh năm 1977 (là cha đẻ bị cáo); Địa chỉ: Buôn E, xã D, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phan Thanh S, là Luật sư thuộc Công ty L2 - Đoàn luật sư tỉnh Đ; Địa chỉ: C L, phường B, tỉnh Đắk Lắk, có gửi bản bào chữa và xin vắng mặt.

2. *Người bị hại:*

2.1. Ông Hà Văn L, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2.2. Bà Lê Thị S1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. *Người phiên dịch*: Ông Y Pep Ê – Cán bộ hưu trí; Trú tại: Buôn E, xã D, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/01/2025, Y Tâm N, sinh ngày 23/3/2005, trú tại: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là buôn E, xã D, tỉnh Đắk Lắk) đi bộ một mình từ nhà đến khu vực Thôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk) để tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến cổng nhà ông Hà Văn L, sinh năm 1959, tại Thôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk) Y T phát hiện có một xe mô tô (biển số 47T1- 435.16, nhãn hiệu Honda, loại Wave@ màu xanh - đen) đang dựng ở giữa sân, trên xe để sẵn chìa khóa xe. Quan sát một lúc, không thấy người qua lại nên Y T đã lén lút vào lấy trộm chiếc xe mô tô trên đưa về nhà của mình để cất dấu và làm phương tiện đi lại.

Khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 11/02/2025 Y Tâm N điều khiển xe mô tô đã trộm cắp được một mình đi từ nhà đến khu vực chợ T1, huyện C (thuộc thôn H, xã E) nhằm tìm kiếm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đến khu vực đường N, xã E, huyện C thì phát hiện chị Lê Thị S1, sinh năm 1985, trú tại: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk), đang ngồi trên xe mô tô biển số 47T1-193.17 để nghe điện thoại (loại điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, loại 13 Pro Max, màu vàng). Y Tâm quan sát thấy chị S1 cầm điện thoại sơ hở nên điều khiển xe đi từ phía sau chạy lên, dùng tay giật điện thoại rồi bỏ chạy về hướng thành phố B (nay là phường B) để tẩu thoát. Đến khoảng 16 giờ ngày 17/3/2025, khi đang điều khiển chiếc xe trộm cắp trên đi đến đoạn đường B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là buôn E, xã D, tỉnh Đắk Lắk) thì Y T bị lực lượng tuần tra Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Đ tạm dừng kiểm tra và giữ phương tiện trên vì vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ. Qua kiểm tra thông tin phát hiện chiếc xe máy do Y T trộm cắp của ông Hà Văn L. Công an xã E mời Y T lên làm việc, Y T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 09/KL-HĐĐGTS, kết luận 01 xe mô tô biển số: 47T1- 435.16. Thời điểm định giá tài sản ngày 11/02/2025 là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*). Điện thoại di động nhãn hiệu: I Phone; Số loại: Iphone 13 Promax, bản 256GB, màu vàng. Thời điểm định giá tài sản ngày 11/02/2025 là 7.667.000 đồng (*Bảy triệu sáu trăm sáu bảy ngàn đồng*). Tổng giá trị 02 tài sản sau

khi làm tròn là 17.667.000 đồng (*Mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*).

***Về thu giữ vật chứng:**

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã thu giữ 01 (một) xe mô tô biển số: 47T1-435.16, nhãn hiệu Honda; số loại: Wave@. Kết quả điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản của ông Hà Văn L. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô cho ông Hà Văn L, chủ sở hữu hợp pháp là đúng theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone; Số loại: I, bản 256GB, màu vàng, sau khi cướp giật được tài sản thì bị cáo Y T di chuyển bỏ chạy đã làm rơi mất không xác định được vị trí, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm, nhưng không tìm được.

Trong quá trình điều tra, Y Tâm N có biểu hiện không bình thường nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành trưng cầu giám định tâm thần đối với Y Tâm N.

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số: 190/KLGD ngày 04/9/2025 của Trung tâm P, kết luận:

Họ và tên: Y Tâm N; sinh năm: 2005; Giới tính: Nam; Trú tại: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là buôn E, xã D, tỉnh Đắk Lắk).

Kết luận về y học: Trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội: Y Tâm N có sức khỏe tâm thần bình thường.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội và hiện tại (tại thời điểm giám định) Y Tâm N bị bệnh: Rối loạn sự thích ứng với phản ứng trầm cảm kéo dài (theo bảng phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10-ICD10, bệnh có mã là F43.21).

Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi:

Trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội Y Tâm N: Đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội và hiện tại (tại thời điểm giám định) Y Tâm N: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT-VKS-HS ngày 19/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk truy tố bị cáo Y Tâm N về tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 và khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

Kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo Y T không trả lời toàn bộ các câu hỏi, người đại của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk vẫn giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng số: 20/CT-VKS-HS ngày 19/01/2026 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 và điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

-Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Y Tâm N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Cướp giật tài sản*”.

-Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

+ Xử phạt bị cáo Y Tâm N mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, h, s, r khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

+ Xử phạt bị cáo Y Tâm N mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Y Tâm N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28/5/2025.

- Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận được tài sản ông Hà Quang L1 không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết. Công nhận việc bị cáo đã bồi thường thiệt hại về tài sản xong cho người bị hại chị Lê Thị S2 số tiền là 10.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, đã trả lại: 01 (một) xe mô tô biển số: 47T1-435.16, nhãn hiệu Honda; số loại: Wave@. cho ông Hà Văn L là chủ sở hữu hợp pháp là đúng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Y T không trả lời về nội dung bản bào chữa được thông qua tại phiên tòa; người đại diện của bị cáo: Đồng ý với nội dung bản bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk có ý kiến: Xét thấy mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo là phù hợp, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và luận tội.

Bị cáo, người đại diện của bị cáo không có ý kiến tranh luận gì; bị cáo không nói lời sau cùng; người đại diện của bị cáo không có ý kiến: Sau khi phạm tội bị cáo đã biết lỗi lầm gây ra, đã xin lỗi bị hại và bồi thường thiệt hại xong cho người bị hại, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bị hại không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người bào chữa vắng mặt, có gửi bản bào chữa cho Tòa án, bị cáo, người đại diện của bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

[2.1] Xét lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là phù hợp với lời khai người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, như vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

[2.1.1] Hành vi lén lút vào sân nhà ông Hà Văn L, sinh năm 1959, tại Thôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk lấy trộm 01 chiếc xe mô tô biển số 47T1- 435.16, nhãn hiệu Honda, loại Wave@ màu xanh – đen, trị giá 10.000.000 đồng vào khoảng 15 giờ ngày 16/01/2025, đưa về nhà của mình để cất giấu và làm phương tiện đi lại của Y Tâm N đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định của khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[2.1.2] Hành vi điều khiển xe mô tô chạy trên đường tại khu vực đường N, xã E, huyện C, dùng tay phải giật 01 chiếc điện thoại di động, I Phone; Số loại: Iphone 13 Promax, bản 256GB, màu vàng, trị giá 7.667.000 đồng của chị Lê Thị S1 đang cầm trên tay để nghe vào khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 11/02/2025 của Y Tâm N, rồi bỏ chạy về hướng thành phố B (nay là phường B) để tẩu thoát. Đã phạm vào tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a, ...

d, Dùng thủ đoạn nguy hiểm;...”

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, đồng thời hành vi phạm tội của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Mặc dù các bị cáo nhận thức được rằng tài sản của công dân là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật với bản chất lười biếng lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” của ông Hà Văn L và “Cướp giật tài sản” của chị Lê Thị S1, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn (đối với tội trộm cắp tài sản); quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện khai báo hành vi cướp giật điện thoại mà mình thực hiện trước đó, bị cáo và gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sau khi phạm tội bản thân bị cáo hiện nay là người bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi, bị cáo được các bị hại viết đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s, r khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử cần xem xét và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước, giúp cho bị cáo có điều kiện sửa chữa lỗi lầm, cải tạo trở thành người công dân tốt cho xã hội.

[5] Về hình phạt: Xét thấy tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo, qua những phân tích các tình tiết nêu trên, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Y Tâm N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội.

[6] Bị cáo Y Tâm N đang bị tạm giam, căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày 09/3/2026.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có điều kiện về kinh tế, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận được tài sản ông Hà Quang L1 không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết. Công nhận việc bị cáo đã bồi thường thiệt hại về tài sản xong cho người bị hại chị Lê Thị S2 số tiền là 10.000.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trả 01 (một) xe mô tô biển số: 47T1-435.16, nhãn hiệu Honda; số loại: Wave@. cho ông Hà Văn L là chủ sở hữu hợp pháp là đúng theo quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 và điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

1. Tuyên bố: Bị cáo Y Tâm N phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Cướp giật tài sản*”.

2. Xử phạt:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

Xử phạt bị cáo Y Tâm N 06 (sáu) tháng tù.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

Xử phạt bị cáo Y Tâm N 03 (ba) năm tù.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Y Tâm N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28/5/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự.

Công nhận việc bị cáo đã bồi thường xong cho người bị hại chị Lê Thị S2 số tiền là 10.000.000 đồng, tiền thiệt hại về tài sản.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, đã trả lại 01 (một) chiếc xe mô tô biển số: 47T1-435.16, nhãn hiệu Honda; số loại: Wave@. cho ông Hà Văn L.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Y Tâm N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bào chữa, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1- TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 5 – Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THA CAT (để thi hành);
- Phòng NVHS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 5 – Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (khi BA có hiệu lực pháp luật);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Đoàn

